

TẠP CHÍ
GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI
Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC
- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917

**CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)**



Số Đặc biệt tháng 4/2025

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

(Bộ mới)

Số Đặc biệt tháng 4/2025

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

BÙI VĂN GA

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

TRẦN VĂN ĐỘ

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHĨ

TRẦN QUANG QUÝ

TRIỆU THẾ HÙNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HẰNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Tổng cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 **Fax:** 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com **Website:** www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Tòa nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoibtb@gmail.com

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép Xuất bản: 60/CBC-KTBC&TTCS ngày 14/01/2025

- Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 5 **Nguyễn Cẩm Nhung:** Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên hiện nay - Applying Ho Chi Minh's thought in educating revolutionary ideals to current students.
- 10 **Phạm Xuân Định:** Lòng nhân ái, yêu thương con người trong Tư tưởng Hồ Chí Minh là tấm gương về đạo đức để xây khối đoàn kết thống nhất tại Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Humanity and love for humanity in Ho Chi Minh's thought is a moral example to build unity at ba ria - vung tau province political school.
- 14 **Phan Huy Bình - Trần Anh Tùng:** Giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên hiện nay - Legal awareness education for current students.
- 19 **Đỗ Thị Thu Hương:** Trí tuệ nhân tạo và khả năng ứng dụng trong hoạt động thông tin - thư viện tại Việt Nam - Artificial intelligence and its application in information and library activities in Vietnam.
- 24 **Nguyễn Chính Hạnh:** Đa dạng phương pháp giảng dạy đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học - Diversifying teaching techniques to meet the output standards of university training programs.
- 29 **Nguyễn Thị Bích Thủy:** Nhận thức về văn hóa ứng xử của sinh viên Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Hiến - Awareness of behavioral culture of students of Faculty of Social Sciences and Humanities, Van Hien University.
- 34 **Võ Hoàng Nam:** Tác động của chuyển đổi số đến công tác lưu trữ ở Trường Đại học Khánh Hòa - The impact of digital transformation on archival work at University of Khanh Hoa.
- 39 **Lê Thị Nga:** Đánh giá sức bền chuyên môn trong môn bóng chuyền của sinh viên K65 chuyên ngành giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Bắc - Evaluation of professional endurance in volleyball of K65 students majoring in physical education at Tay Bac University.
- 43 **Trần Thiện Thanh - Nguyễn Cao Hồng Phụng:** Tìm hiểu yếu tố tác động đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh của sinh viên: tổng quan mô tả ở cơ sở dữ liệu Sciencedirect - Exploring factors influencing students' use of generative artificial intelligence: a narrative review in the sciencedirect database.
- 48 **Đinh Văn Khanh:** Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên đại học ngoài công lập góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay - Reforming political ideological education for students in non-public universities as a measure to safeguard the party's ideological foundation in the contemporary period.
- 53 **Lê Hùng:** Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở các trường đại học sân khấu - điện ảnh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay - Standardizing the team of educational management staff in theatre and cinema universities to meet the requirements of current educational innovation.
- 58 **Trần Văn Thái:** Nâng cao nhận thức của sinh viên về Chủ nghĩa Xã hội và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay - Raising students' awareness of socialism and the path to socialism in Vietnam in the current context.
- 63 **Đặng Anh Tuấn:** Giải pháp nâng cao hiệu quả làm việc của giảng viên giáo dục thể chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - Solutions to improve the working efficiency of physical education lecturers contribute to improving the quality of training at people's police university.
- 67 **Nguyễn Văn Đào:** Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - solutions to improve the quality of teaching national defense education at people's police university.
- 72 **Lê Hồng Phương:** Kinh nghiệm viết khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên Đại học Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tiền Giang - Experience in writing thesis for business administration students at tien giang university.
- 77 **Đặng Trường Giang:** Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về học tập suốt đời, lấy tự học làm cốt vào xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam hiện nay - Applying Ho Chi Minh's thought on lifelong learning, taking self-learning as the core to build a learning society in vietnam today.
- 82 **Nguyễn Như Nam:** Đổi mới phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất theo hướng phát triển năng lực thực hành của sinh viên ở các trường đại học hiện nay - Innovating physical education teaching methods towards developing students' practical competencies in universities today.
- 87 **Nguyễn Thị Vân Anh:** Nhu cầu nhận thức của sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa - The cognitive needs of students at khanh hoa university
- 91 **Đỗ Hữu Quyết:** Giáo dục thể chất và vai trò trong phát triển kỹ năng giao tiếp cho sinh viên đại học: nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung - Physical education and its role in developing communication skills among university students: a case study at viet-hung industrial university.
- 96 **Đào Trung Anh:** Tái định nghĩa năng lực giảng dạy: giảng viên ngoại ngữ học hỏi từ AI để nâng cao kỹ năng sư phạm trong thời đại số - Redefining teaching competence: empowering foreign language educators through AI in the digital era.
- 101 **Nguyễn Thị Lâm - Phạm Thị Mỹ Hạnh - Nguyễn Quốc Kiệt:** Nâng cao khả năng tiếp nhận, xử lý thông tin trên mạng xã hội của sinh viên tại một trường đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Enhancing the Ability to Absorb and Process Information on Social Networks of Students at a University in Ho Chi Minh City.
- 106 **Đặng Thị Thanh Trâm - Nguyễn Thị Mỹ Hằng:** Giải pháp đồng hành cùng đoàn viên, thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp của đoàn Trường Cao đẳng Gia Lai - Solutions to accompany union members, youth in startup and setting up a business by gia lai college's ho chi minh communist youth union.
- 112 **Nguyễn Minh Tuấn:** Nâng cao chất lượng giảng dạy chuyên ngành báo chí hiện nay: tầm quan trọng và yêu cầu đặt ra - Improving the quality of teaching journalism major today: its importance and requirements.
- 117 **Hà Thị Mai Lan - Vũ Diệu Linh - Dương Minh Châu - Nguyễn Duy Hiệp:** Một số giải pháp phòng chống, ngăn ngừa tin giả trên không gian mạng hiện nay - Some solutions for preventing and countering fake news on the current internet today.
- 121 **Lê Thị Mỹ Linh:** Vai trò của các hoạt động cảm xúc trong học ngôn ngữ: Tăng cường động lực, sự tự tin và xây dựng cộng đồng - The role of affective activities in language learning: enhancing motivation, confidence, and community building.
- 126 **Từ Thị Tuyết Vy:** Cải thiện kỹ năng viết Tiếng Anh: những thách thức và cách tiếp cận dành cho sinh viên năm cuối Trường Đại học Phan Thiết - Improving english writing skills: challenges and approaches for final-year students at University of Phan Thiet.

- 130 Nguyễn Thị Hồng Hạnh:** Thành ngữ Tiếng Anh - những khó khăn và giải pháp giúp sinh viên chuyên ngữ học tốt Tiếng Anh - English idioms - challenges and solutions for linguistics students to master english.
- 135 Võ Thị Mộng Cẩm - Nguyễn Thị Phương Thảo:** Nghiên cứu thực trạng sử dụng app từ điển Hanzii trong việc học tiếng trung của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh - Research on the current status of using the hanzii dictionary application in learning chinese among students at tra vinh university.
- 140 Tống Thị Trương Nhung:** Chiến lược vượt qua khó khăn của sinh viên chuyên ngành trong việc phát triển từ vựng tại Trường Đại học Phan Thiết - Strategies to overcome challenges in vocabulary development for english majors at University of Phan Thiet.
- 145 Nguyễn Thị Lan Oanh:** Nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên Học viện An ninh nhân dân trong thời đại toàn cầu hóa - Enhancing English communication skills for students at the People's Security Academy in the context of globalization.
- 150 Huỳnh Mai Thùy Vân - Nguyễn Thị Phương Thảo:** Thực trạng năng lực tự chủ của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc trong việc học Tiếng Anh tại Trường Đại học Trà Vinh - The current state of autonomy in English language learning among Chinese language majors at Tra Vinh University.
- 156 Đoàn Thị Phương:** Nâng cao năng lực tự học Tiếng Anh cho sinh viên đại học thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) - Enhancing english self-study competence for university students through artificial intelligence (AI) applications.
- 162 Phạm Trần Mộc Miêng:** Các hoạt động nhằm tăng tính hứng thú cho giờ học đọc hiểu ở các lớp không chuyên Tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng - Some activities to enhance the excitement for reading skill in esl classes at Vietnam - Korea University of information and communication technology, the university of da nang (VKU).
- 167 Nguyễn Thị Nhã Phương - Phạm Thị Thúy Duy:** Tích hợp ứng dụng ELSA SPEAK trong giảng dạy kỹ năng nói: đánh giá từ phản hồi của sinh viên không chuyên ngữ - Integrating Elsa Speak in teaching speaking skills: reflection from non-major students.
- 173 Nguyễn Thị Lan Oanh:** Tăng cường kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên Học viện An ninh nhân dân thông qua hoạt động ngoại khóa - Enhancing English speaking skills for students at the People's Security Academy through extracurricular activities.
- 178 Vũ Văn Chính:** Giảng dạy Tiếng Anh công nghệ thông tin theo nhu cầu của thị trường lao động - Teaching information technology English to meet the needs of the labor market.
- 184 Lê Thu Thảo:** Vai trò của trí tuệ nhân tạo trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp của người học Tiếng Anh - The contribution of artificial intelligence to enhancing the communication proficiency of English language learners.
- 189 Nguyễn Ngọc Thảo Nhung - Nguyễn Thị Bích Ngân:** Các yếu tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng giao tiếp của sinh viên trong lớp học Tiếng Anh - Factors affecting students' willingness to communicate in the EFL classroom.
- 194 Đỗ Thị Thu Hà:** Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ trong giảng dạy Tiếng Anh tại các trường đại học tư thục ở Việt Nam - Task-based learning method in teaching English at private universities in Vietnam.
- 199 Vũ Thùy Linh:** Giảng dạy Tiếng Anh theo phương pháp tích cực tại các trường đại học - Teaching English in an active way at private universities.
- 205 Lê Thu Thảo:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học Tiếng Anh: Một số thách thức đặt ra - Application of artificial intelligence in teaching and learning English and some emerging challenges.
- 210 Bùi Hữu Khánh:** Ứng dụng phần mềm Google Classroom xây dựng và quản lý học liệu số phục vụ dạy học văn bản nghị luận môn ngữ văn lớp 11 - The application of google classroom in developing and managing digital learning resources for teaching argumentative texts in grade 11 vietnamese literature.
- 214 Nguyễn Ngọc Ánh:** Phát triển năng lực dạy thực hành vận động cho sinh viên ngành giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định - Developing the practical teaching competence in physical activities for early childhood education students at Nam Dinh College of education.
- 219 Nguyễn Thị Kiều Tiên:** Dạy học văn học dân gian Khmer cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh bằng hình thức dạy học dự án - Teaching khmer folk literature to students of tra vinh university using project-based learning.
- 224 Trần Thị Bích Hạnh - Huỳnh Mai Thùy Vân:** Đề xuất mô hình quản lý giáo dục thông minh cho Trường Trung học phổ thông - Propose a smart education management model for High School.
- 229 Trần Hải Phương Quỳnh - Nguyễn Diễm Hà - Trần Mai Tường Vy - Nguyễn Ngọc Bích Trâm - Nguyễn Thị Quế Trân:** Đề xuất hệ thống câu hỏi đọc hiểu thể loại truyện thơ Nôm sử dụng trong đề thi tuyển sinh Lớp 10 công lập - Proposal for a system of reading comprehension questions for Nom poetry genre used in the public 10th grade entrance exam.
- 233 Hoàng Nam Hải - Phạm Nam Hòa Hải:** Vận dụng công nghệ thông tin tổ chức hoạt động khám phá trong dạy học hình học lớp 5 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh - Applying information technology to organize discovery-based activities in grade 5 geometry teaching to develop students' mathematical problem-solving competence.
- 239 Đàm Thị Nhân Hậu - Mai Linh - Lê Tấn Phát - Nguyễn Phước Bảo Khôi:** Đề xuất câu hỏi đọc hiểu văn bản nghị luận sử dụng trong đề thi tuyển sinh vào lớp 10 công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh - Proposed reading comprehension questions for argumentative texts used in the entrance exam for grade 10 public schools in Ho Chi Minh City.
- 244 Hoàng Nam Hải - Huỳnh Thị Thanh Thủy:** Thiết kế chủ đề STEAM trong dạy học đại lượng nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 4 - Designing a STEAM theme in teaching quantities to develop mathematical problem-solving competence for 4th grade students.
- 249 Lê Thị Như - Trần Thị Hằng - Nguyễn Thị Cúc - Trần Quang Sáng - Trương Ánh Ngọc:** Đề xuất hệ thống câu hỏi đọc hiểu thể loại truyện ngắn sử dụng trong đề thi tuyển sinh lớp 10 công lập - Proposed system of reading comprehension questions for short stories used in grade 10 entrance exam for public schools.
- 253 Nguyễn Thị Mai - Hồ Thị Bảo Trân - Trần Ngọc Bảo Hân - Kiều Phạm Yến Nhi - Phạm Thị Hải Loan:** Đề xuất hệ thống câu hỏi đọc hiểu thể loại thơ sử dụng trong đề thi tuyển sinh lớp 10 công lập - Proposal for a system of reading comprehension questions used in the 10th grade entrance exam for public schools.
- 257 Hoàng Nam Hải - Lê Trần Diệu Hiền - Đặng Nguyễn Bích Thảo - Trần Thu Sương - Trần Thị Mỹ Duyên - Hồ Minh Huyền:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học toán nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh lớp 4 - application of artificial intelligence in teaching mathematics to develop mathematical problem solving ability for 4th grade students.

- 262 Hồ Thị Thường - Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Nguyễn Ngọc Nguyên** - **Đỗ Thị Ánh Trinh - Nguyễn Thị Hiền:** Ứng dụng AI thiết kế video phục vụ dạy học văn bản thơ trong chương trình môn Tiếng Việt Lớp 3 - AI application to design videos for teaching poetry text in the vietnamese language program for grade 3.
- 268 Hà Khánh Lâm:** Vai trò của chuyên viên quản lý đào tạo trong công tác quản lý đào tạo tại Trường Đại học Hải Phòng - The role of training management specialists in training management at hai phong university.
- 272 Trần Thị Thu:** Nâng cao năng lực bảo mật thông tin cá nhân cho sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội Phân hiệu Đắk Lắk trong bối cảnh chuyển đổi số - Improving personal information security capacity for students of hanoi law university Đak Lak branch in the context of digital transformation.
- 279 Đặng Nguyễn Cẩm Tú - Nguyễn Phúc Phương Anh - Thông Thị Ánh Dương - Trần Bảo Uyên:** Ảnh hưởng áp lực học tập đến hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh - The impact of academic stress on aggressive behavior among lower secondary school students in ho chi minh city.
- 285 Phan Thị Mỹ Ly:** Vai trò của học tập trải nghiệm trong việc phát triển năng lực tư duy phản biện - cơ sở lý luận và đề xuất mô hình vận dụng - The role of experiential learning in developing critical thinking capacity - theoretical foundations and a proposed framework.
- 290 Hà Văn Tuấn:** Sự phát triển của bán hàng online và ảnh hưởng tới công tác phòng cháy chữa cháy - The development of online sales and its impact on fire prevention and fighting.
- 295 Đỗ Thị Hồng Vân:** Vai trò của bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với công tác quy hoạch, phát triển đô thị - The role of ensuring security, order and social safety for planning and developing the urban areas.
- 300 Hoàng Đức Hạnh:** An ninh phi truyền thống và những vấn đề đặt ra cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Non-traditional security and the problems facing the fire and rescue police force in the curent situation.
- 305 Đỗ Thị Hồng Vân:** Một số vấn đề lợi dụng không gian mạng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng - Some issues of exploiting cyberspace to commit legal violations concerning the maintenance of public order.
- 310 Thái Thị Kim Thúy:** Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng cháy chữa cháy các rạp chiếu phim trên địa bàn Thành phố Hà Nội - solutions to improve fire prevention and fighting effectiveness in movie theaters in hanoi city.
- 315 Phan Quốc Thái:** Sự thay đổi của thế giới và tác động của quan hệ tộc người xuyên biên giới đối với phát triển kinh tế Việt Nam - The changing world and the impact of cross-border ethnic relations on vietnam's economic development.
- 320 Nguyễn Văn Công:** Học tập, thực hiện 6 Điều Bác Hồ dạy công an nhân dân, xây dựng lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới - Study and practice the 6 rules uncle ho teaches the public security, build a regular, elite, modern fire police and search force that meets the requirements and tasks in the new situation.
- 325 Từ Ánh Nguyệt:** Thực hiện chính sách đối với người có uy tín ở tỉnh Kon Tum - Implementation of policies for prestigious individuals in kon tum province.
- 330 Hạ Thị Hương:** Đường lối đối ngoại độc lập tự chủ của Đảng từ năm 1945 đến năm 1950 - The independent and self-determined foreign policy of the party from 1945 to 1950.
- 335 Nguyễn Thị Hoa - Đinh Ngọc Khánh Linh:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thống kê và dự báo tình hình cháy, nổ tại Việt Nam - Application of artificial intelligence in statistics and forecasting of fire and explosion incidents in vietnam.
- 340 Nguyễn Đức Toàn - Ngô Thị Oanh - Bùi Thị Cẩm Dương - Lê Thị Vui - Phan Huy Anh - Vũ Thị Bích Ngọc:** Khung năng lực số cho cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: Một nghiên cứu khoa học và giải pháp thực tiễn phát triển kỹ năng công nghệ số tại Việt Nam - Digital competency framework for cadres of the vietnam women's union: a scientific study and practical solution for developing digital skills in vietnam.
- 346 Nguyễn Thị Hoa:** Ứng dụng AI trong tuyên truyền phòng cháy chữa cháy ở Việt Nam - Bài học từ Mỹ, Nhật Bản, Singapore - Application of AI in fire prevention communication in Vietnam - Lessons from the u.s., japan, and singapore.
- 351 Phan Văn Chiêu:** Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2024 và một số khuyến nghị hoàn thiện - Land use rights transfer contract under the 2024 land law and some recommendations for improvement.
- 356 Trương Lê Nguyên Bình:** Pháp luật Việt Nam về quỹ đầu tư phát triển địa phương: nghiên cứu từ tỉnh Bình Dương - Vietnamese law on local development investment funds: a study from binh duong province.
- 362 Nguyễn Thị Hồng Phượng:** Bàn về việc đặt tên doanh nghiệp kèm theo ngành nghề kinh doanh - Discussion on naming a business including the business line.
- 367 Huỳnh Thị Cẩm Hồng - Lâm Bá Khánh Toàn:** Nâng cao hiệu quả thực thi trách nhiệm của các chủ thể trong bảo vệ trẻ em trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay - góc nhìn từ công ước quốc tế về quyền trẻ em - Strengthening the implementation of stakeholders' responsibilities in child protection in vietnam's cyberspace: a perspective from the un convention on the rights of the child.
- 372 Nguyễn Đăng Cao Sang - Huỳnh Bá Quốc:** Trao đổi về điều kiện bảo đảm và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt - Discussion on the guarantee conditions and some solutions to improve the effectiveness of applying special procedural investigative measures.
- 377 Phan Phạm Anh Tài - Nguyễn Tấn Khanh:** Nghiên cứu phương thức, thủ đoạn của tội phạm trộm cắp tài sản trên tuyến đường thủy nội địa phục vụ hoạt động phòng ngừa của phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh - Research on methods and tactics of property theft crimes on inland waterways for preventive activities of the traffic police department of ho chi minh city.
- 382 Nguyễn Hoàng Phương Bình - Nguyễn Duy Phong:** Một số bất cập, hạn chế liên quan đến các quy định của dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) và kiến nghị hoàn thiện - Some inadequacies and limitations in the provisions of the draft amended criminal code and recommendations for improvement.
- 388 Nguyễn Xuân Thanh:** Kinh nghiệm áp dụng luật thuế carbon ở một số quốc gia khu vực châu Á và đánh giá khả năng áp dụng tại Việt Nam - Experience in applying carbon tax law in some asian countries and assessment of the possibility of application in vietnam.
- 394 Đào Công Thành:** Hoàn thiện hành lang pháp lý đối với vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giai đoạn hiện nay - Completing the legal corridor for personal data protection in the current period.

- 399 Đỗ Thanh Tùng:** Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 về biện pháp tạm giam - Improving the regulations of the 2015 Criminal Procedure Code on detention.
- 404 Huỳnh Anh:** Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa bên nhận bảo đảm và bên thứ ba khi xử lý quyền tài sản được dùng bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng tại các ngân hàng thương mại - Order of payment priority between the guaranteed party and the third party when handling secured property rights in credit providing activities at commercial banks.
- 410 Nguyễn Duy Vinh - Phạm Hữu Tân:** Đấu tranh với tội phạm chức vụ và rửa tiền: vấn đề đặt ra cho cảnh sát kinh tế hiện nay - Combating crimes of abuse of power and money laundering: current challenges for the economic police.
- 415 Nguyễn Phan Hiền Anh:** Ứng dụng phương pháp chuyển mã nhằm nâng cao khả năng tiếp thu ngôn ngữ cho sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Cảnh sát nhân dân - Applying code-switching method to enhance language acquisition for full-time undergraduate students at people's police university.
- 420 Thạch Bền:** Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, một số vướng mắc và kiến nghị khắc phục - Resolving civil issues under simplified procedures, some sentences and recommendations for resolution.
- 424 Nguyễn Ngọc Sang:** "Học thuyết các bên liên quan" và nội luật hóa trong pháp luật doanh nghiệp Việt Nam- "Takeholder theory" and its incorporation into vietnamese corporate law.
- 429 Trần Thị Hằng - Phan Ngọc Minh Trang:** Quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt đối với tội đưa hối lộ theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 - bắt cập và hướng hoàn thiện - Decision on penalties in special cases for the crime of bribery according to the provisions of the 2015 criminal code - insufficiency and directions for improvement.
- 434 Đặng Bích Phương:** Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trên cơ sở người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu - Invalidation of trademark registration based on the bad faith of the applicant.
- 439 Nguyễn Thị Huyền:** Căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản và kiến nghị hoàn thiện - Bases for calculating personal income tax from real estate transfer and proposals for completion.
- 443 Nguyễn Hoàng Phát:** Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính - một số bất cập pháp luật và giải pháp hoàn thiện - Reducing greenhouse gas emissions - some legal incompatibilities and improved solutions.
- 447 Đàm Thị Diễm Hạnh - Nguyễn Thị Thanh Xuân:** Quy định về quyền riêng tư đối với thân thể người lao động theo pháp luật Việt Nam - Regulations on the right to privacy regarding the body of employees under vietnamese law.
- 453 Đào Thị Phương Mai:** Một số vấn đề về áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 - Some issues in applying coercive measures to commercial legal entities committing crimes under the 2015 criminal procedure code.
- 459 Đỗ Văn Chiến - Trần Thị Lan Anh:** Biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội - Measures for diversion in dealing with juvenile offenders.
- 463 Vũ Hải Linh:** Thực tiễn thực hiện pháp luật và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chấm dứt việc nuôi con nuôi - The practice of law enforcement and some recommendations for improving the legislation on termination of adoption.
- 469 Nguyễn Hoài Nam:** Bàn về quy định của pháp luật về vấn đề tin giả trên không gian mạng và hướng hoàn thiện - Discussing legal regulations on fake news in cyberspace and proposed improvements.
- 474 Nguyễn Hữu Hoàng Phúc:** Quy định của liên minh châu Âu về báo cáo phi tài chính của doanh nghiệp - một số khuyến nghị cho Việt Nam - Regulations of european union on non-financial reporting - some recommendations for vietnam.
- 479 Nguyễn Hồng Bắc:** Bảo hộ nhãn hiệu âm thanh theo các điều ước quốc tế Việt Nam là thành viên và sự tương thích của pháp luật Việt Nam - Protection of sound trademarks under international treaties to which vietnam is a party and the compatibility of vietnamese law.
- 485 Nguyễn Hoàng Phát:** Di sản thừa kế trong quan hệ nuôi dưỡng - một số bất cập pháp luật và giải pháp hoàn thiện - Inheritance in fostering relationships - some legal incompatibilities and improved solutions.
- 490 Ngô Văn Linh - Vũ Phương Anh:** Cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải thương mại: kinh nghiệm của Singapore, Hoa Kỳ và định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam - Dispute resolution mechanism through commercial mediation: experiences of singapore and the united states, and orientations for perfecting vietnamese law.
- 496 Nguyễn Ngọc Phương:** Xây dựng, phát triển thương hiệu kênh truyền hình - Ways of building and developing television channel brand name.
- 501 Hồ Thị Ngọc Trinh:** Nghệ thuật diễn xuất cải lương nhân vật Thái hậu Dương Vân Nga: Trường hợp Nghệ sĩ nhân dân Bạch Tuyết - The art of cai luong performance in the character of empress duong van nga: the case of people's artist Bach Tuyet.
- 507 Nguyễn Thị Thanh Nga:** Nhân vật nữ trong chèo truyền thống và vấn đề giáo dục nghệ thuật - Female characters in traditional cheo art and the problem of art education.
- 512 Nguyễn Thị Kim Ngân:** Khai thác giá trị kiến trúc và nghệ thuật từ công trình kiến trúc phục vụ phát triển du lịch ở Việt Nam - Exploiting architectural and artistic values from architectural works to serve tourism development in vietnam.
- 517 Phí Ngọc Hoàng:** Các thách thức và giải pháp trong quản trị du lịch tại các điểm Di tích Lịch sử cách mạng ở vùng miền núi Đông Bắc bộ - Challenges and solutions in tourism management at revolutionary historical sites in the northeast mountain region.
- 522 Trần Hoàng Anh - Phan Thị Hồng Hải - Dương Thị Xuân Diệu:** Các nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn các nhà hàng buffet của khách hàng tại thành phố Đà Nẵng - Factors influencing guests' choices of buffet restaurants in Đa Nang city.
- 528 Lê Thị Thanh Huyền - Lê Yến Chi:** Tiềm năng du lịch từ các làng nghề truyền thống ven biển tại xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh - Tourism potential of traditional coastal craft villages in dong hai commune, duyen hai district, tra vinh province.
- 533 Nguyễn Thị Thúy Hằng:** Xây dựng chương trình nông nghiệp kết hợp du lịch cộng đồng tại hợp tác xã nông nghiệp sinh thái Green Farm, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu - Building a community-combined agriculture and tourism program at green farm ecological agricultural cooperative, vinh loi district, bac lieu province.
- 537 Nguyễn Tiến Sĩ:** Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi gà thả vườn tại nông hộ - Survey of factors affecting the efficiency of free-ground chicken farming in farm households.
- 541 Nguyễn Thị Cẩm Vân:** Mối quan hệ giữa hiệu quả hoạt động với đòn bẩy tài chính và Đại dịch Covid-19: bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống niêm yết tại Việt Nam - The relationship between firm performance, financial leverage and the Covid-19 pandemic: empirical evidence from listed food and beverage firms in vietnam.

“HỌC THUYẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN” VÀ NỘI LUẬT HÓA TRONG PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC SANG
Trường Đại học Bình Dương

Nhận bài ngày 28/3/2025. Sửa chữa xong 04/4/2025. Duyệt đăng 07/4/2025.

Abstract

International practice has demonstrated that the application of this theory contributes to enhancing corporate social responsibility, reducing conflicts of interest, and fostering long-term cooperation between businesses and society. However, the current Vietnamese corporate law remains inclined toward the shareholder model, lacking specific provisions to protect the interests of non-shareholding stakeholders. This article proposes the incorporation of Stakeholder Theory principles into the Law on Enterprises by supplementing stakeholders' rights, obligations, and mechanisms for dialogue and multi-dimensional supervision in corporate governance. In doing so, it aims to establish a legal framework that harmonizes economic objectives with corporate social responsibility in Vietnam.

Keywords: Stakeholder Theory, Corporate Governance, Vietnamese Corporate Law, Sustainable Development, Legal Incorporation.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh doanh nghiệp hiện đại đang đối mặt với những đòi hỏi ngày càng cao về trách nhiệm xã hội, minh bạch và phát triển bền vững, theo quan điểm của học giả Edward Freeman (1984) học thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory) đã nổi lên như một nền tảng lý luận thay thế cho quan điểm truyền thống đề cao giá trị cổ đông (Shareholder Theory). Học thuyết này nhấn mạnh rằng mục tiêu của doanh nghiệp không chỉ là tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, mà còn phải tạo ra giá trị lâu dài cho tất cả các chủ thể có liên quan như người lao động, khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng. Thực tiễn quốc tế cho thấy việc nội luật hóa nguyên tắc các bên liên quan trong mô hình quản trị công ty đang diễn ra mạnh mẽ tại nhiều quốc gia châu Âu, Nhật Bản và gần đây là Anh thông qua mô hình “giá trị cổ đông khai sáng” (Enlightened Shareholder Value – ESV)[1]. Trong khi đó, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam vẫn thiên về bảo vệ cổ đông, chưa thiết lập cơ chế pháp lý đủ mạnh để bảo vệ các chủ thể phi cổ đông, nhất là trong thực tiễn quản trị công ty. Trước xu thế toàn cầu hóa và yêu cầu nâng cao trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, nhu cầu nội luật hóa học thuyết các bên liên quan vào pháp luật doanh nghiệp Việt Nam trở nên cấp thiết, nhằm hài hòa giữa mục tiêu kinh tế và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

2. Tổng quan về học thuyết các bên liên quan trong pháp luật doanh nghiệp quốc tế và Việt Nam

2.1. Khái quát học thuyết các bên liên quan trong quản trị doanh nghiệp

Học thuyết các bên liên quan là một hệ thống lý luận được phát triển nhằm phản ứng lại sự hạn chế của học thuyết cổ đông truyền thống, vốn coi cổ đông là chủ thể duy nhất cần được doanh nghiệp phục vụ. Theo học thuyết này, doanh nghiệp tồn tại trong một mạng lưới quan hệ xã hội và phải chịu trách nhiệm trước nhiều nhóm có quan hệ tương tác lợi ích với hoạt động của mình, gọi chung là các bên liên quan. Các chủ thể này có thể bao gồm người lao động, khách hàng, nhà cung ứng, cộng đồng

Email: nguyenngocsang.161706@gmail.com

địa phương, tổ chức dân sự, nhà nước và cả môi trường tự nhiên. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải tạo ra giá trị tổng hòa cho toàn bộ các bên liên quan, thay vì tối ưu hóa đơn nhất giá trị tài chính cho cổ đông như học thuyết cổ điển đề xuất.

R. Edward Freeman (1984) là người đầu tiên định hình rõ nét học thuyết này với định nghĩa nổi tiếng: *"Bên liên quan là bất kỳ cá nhân hay nhóm nào có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi việc đạt được mục tiêu của tổ chức"*[2]. Từ đó, trọng tâm nghiên cứu được chuyển dịch từ việc đơn thuần tối đa hóa lợi ích cho cổ đông sang việc hài hòa hóa lợi ích giữa nhiều nhóm khác nhau. Học thuyết này phát triển theo ba hướng tiếp cận chính: (i) chuẩn tắc (normative), nhấn mạnh nghĩa vụ đạo đức của doanh nghiệp; (ii) mô tả (descriptive), nhằm ghi nhận thực tiễn ra quyết định dựa trên nhiều tác nhân; (iii) công cụ (instrumental), xem việc gắn kết với các bên liên quan như một phương tiện nâng cao hiệu quả kinh doanh và gia tăng giá trị bền vững.[3]

Từ góc nhìn quản trị, học thuyết các bên liên quan thách thức khái niệm doanh nghiệp như một thực thể thuần túy kinh tế mà đề xuất coi doanh nghiệp là một thực thể xã hội - đạo đức có nghĩa vụ tạo ra giá trị đa chiều. Quan điểm này càng trở nên phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, khủng hoảng đạo đức doanh nghiệp, biến đổi khí hậu và các áp lực phát triển bền vững. Không chỉ giới hạn trong các lý luận triết học, học thuyết này còn được hiện thực hóa bằng các mô hình quản trị tiến bộ tại nhiều quốc gia, góp phần làm thay đổi hệ hình trong khoa học quản trị doanh nghiệp hiện đại. Theo phân tích của Ward & O'Connell (2020), chính sự tập trung quá mức vào tối đa hóa giá trị cổ đông đã dẫn đến việc các doanh nghiệp rơi vào vòng xoáy ngắn hạn, đánh mất định hướng phát triển bền vững, và thậm chí gây tổn thất xã hội nghiêm trọng như trong các vụ Enron, Worldcom hay cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008.

Một trong những chỉ trích mạnh mẽ nhất đối với học thuyết cổ đông là việc nó dựa trên giả định rằng lợi ích cổ đông có thể đại diện cho lợi ích xã hội, thông qua hiệu ứng lan tỏa của sự tăng trưởng. Tuy nhiên, sự tích lũy tài sản trên thị trường chứng khoán lại tập trung vào nhóm 10% giàu nhất dân số, trong khi các nhóm yếu thế hơn chỉ nắm giữ một tỷ lệ nhỏ giá trị cổ phần, cho thấy lợi ích cổ đông không đại diện cho lợi ích công cộng. Do đó, việc tái cấu trúc tư duy pháp lý và quản trị theo hướng công nhận và bảo vệ vai trò của các bên liên quan không chỉ là lựa chọn lý tưởng, mà là con đường tất yếu để hướng đến một nền kinh tế bao trùm và bền vững hơn.[4]

2.2. Thực tiễn nội luật hóa học thuyết các bên liên quan tại một số quốc gia

Việc nội luật hóa "học thuyết các bên liên quan" vào pháp luật doanh nghiệp không chỉ là một xu hướng lý luận mà đã trở thành thực tiễn lập pháp ở nhiều quốc gia, đặc biệt là những nền kinh tế phát triển có hệ thống quản trị doanh nghiệp trưởng thành và chú trọng đến phát triển bền vững. Quá trình nội luật hóa này được thực hiện thông qua việc điều chỉnh nghĩa vụ của giám đốc công ty, cơ chế tham gia của các bên liên quan vào quá trình ra quyết định và yêu cầu minh bạch hóa các tác động phi tài chính của hoạt động doanh nghiệp.

Tại châu Âu, nhiều quốc gia áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp dựa trên học thuyết các bên liên quan với mức độ thể chế hóa tương đối cao. Đức và các quốc gia Bắc Âu được xem là những hình mẫu tiêu biểu. Tại Đức, hệ thống quản trị hai tầng thể hiện rõ triết lý của học thuyết các bên liên quan. Theo đó, Hội đồng quản trị điều hành công ty nhưng chịu sự giám sát trực tiếp bởi Hội đồng giám sát, trong đó có đại diện của người lao động. Theo quy định tại Luật Đồng quyết năm 1976 (Mitbestimmungsgesetz), các công ty tại Cộng hòa Liên bang Đức có từ 2.000 lao động trở lên phải tổ chức Hội đồng Giám sát với 50% thành viên là đại diện của người lao động, phản ánh rõ nét tư duy quản trị theo hướng các bên liên quan và đảm bảo cơ chế tham gia trực tiếp của nhóm lợi ích này vào cấu trúc giám sát nội bộ doanh nghiệp [5].

Tại Nhật Bản, văn hóa kinh doanh và hệ thống quản trị doanh nghiệp truyền thống cũng mang đậm dấu ấn của tư tưởng các bên liên quan. Hệ thống keiretsu (liên minh doanh nghiệp) và vai trò của ngân hàng là chính trong giám sát hoạt động doanh nghiệp, cho thấy cơ chế quan hệ chặt chẽ giữa doanh

ng nghiệp với các bên liên quan như nhà cung ứng, ngân hàng và người lao động. Mặc dù pháp luật doanh nghiệp Nhật Bản không sử dụng trực tiếp ngôn ngữ của học thuyết các bên liên quan, nhưng các quy tắc mềm và thông lệ quản trị tại đây phản ánh tư duy phát triển ổn định, cân bằng giữa các nhóm lợi ích trong hệ sinh thái doanh nghiệp.

Tại Vương quốc Anh, quá trình nội luật hóa học thuyết các bên liên quan được hiện thực hóa rõ nét trong mô hình “*giá trị cổ đông khai sáng*” (*Enlightened Shareholder Value – ESV*), đặc biệt qua Điều 172 Luật Công ty 2006 (Companies Act 2006). Theo đó, giám đốc công ty có nghĩa vụ hành động vì lợi ích tốt nhất của cổ đông, nhưng trong khi thực hiện nghĩa vụ này, họ phải cân nhắc đến nhiều yếu tố như: hậu quả dài hạn của quyết định, quyền lợi người lao động, quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng, ảnh hưởng tới cộng đồng và môi trường, uy tín đạo đức và cam kết duy trì tiêu chuẩn kinh doanh cao. Mặc dù quyền của các bên liên quan không được quy định như một quyền độc lập, nhưng ESV tạo ra một khuôn khổ pháp lý để các bên liên quan trở thành người được tính đến trong các quyết định chiến lược của doanh nghiệp. Điểm đặc biệt trong mô hình ESV là sự thừa nhận tính liên kết giữa lợi ích dài hạn của cổ đông và sự thịnh vượng của các bên liên quan khác. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng các công ty công bố thông tin bền vững và thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp bài bản thường đạt mức tăng trưởng giá trị cổ phiếu cao hơn, đồng thời nhận được sự tin cậy từ nhà đầu tư dài hạn. Chính vì thế, mô hình ESV được xem như một cách tiếp cận lại giữa học thuyết cổ đông và học thuyết các bên liên quan, không phủ nhận mục tiêu tài chính nhưng mở rộng nó trong một hệ quy chiếu đạo đức - xã hội rộng hơn.

Ở cấp độ khu vực, Liên minh châu Âu đã thông qua Chỉ thị 2014/95/EU, theo đó, yêu cầu các công ty lớn có lợi ích công cộng (công ty niêm yết, ngân hàng, công ty bảo hiểm và các công ty được các cơ quan có thẩm quyền quốc gia chỉ định là thực thể công ích) phải tiết lộ thông tin phi tài chính và đa dạng bắt đầu từ báo cáo năm 2018 trở đi [6]. Bên cạnh đó, nhiều sàn giao dịch chứng khoán tại châu Âu và châu Á cũng yêu cầu các công ty niêm yết phải tuân thủ các quy tắc quản trị bao gồm trách nhiệm với các bên liên quan, tiêu chuẩn ESG (*Environmental - Môi trường, Social - Xã hội, Governance - Quản trị*) và công bố thông tin bền vững [7].

Những ví dụ nêu trên cho thấy học thuyết các bên liên quan không còn là một học thuyết ngoại vi mà thực sự đã trở thành nền tảng chính sách và pháp lý cho mô hình doanh nghiệp hiện đại, thúc đẩy phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và sự hài hòa giữa lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội. Quá trình nội luật hóa học thuyết này tại các quốc gia tuy có sự khác biệt về mức độ và hình thức, nhưng đều hướng đến mục tiêu chung: tái định vị doanh nghiệp như một chủ thể đạo đức có trách nhiệm, thay vì chỉ là công cụ tạo lợi nhuận cho cổ đông.

2.3. Thực trạng pháp luật doanh nghiệp Việt Nam về quyền và vai trò của các bên liên quan

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế bền vững, yêu cầu mở rộng phạm vi điều chỉnh của pháp luật doanh nghiệp từ bảo vệ lợi ích cổ đông sang nhận diện, bảo vệ và thúc đẩy vai trò của các bên liên quan ngày càng trở nên cấp thiết. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành tại Việt Nam tiêu biểu là Luật Doanh nghiệp 2020, cùng với một số đạo luật liên quan như Luật Chứng khoán 2019, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Bộ luật Lao động 2019 cho thấy vẫn còn nhiều giới hạn trong việc nội luật hóa học thuyết các bên liên quan.

2.3.1. Pháp luật doanh nghiệp Việt Nam vẫn thiên lệch về học thuyết cổ đông. Luật Doanh nghiệp 2020 tiếp tục xác lập mô hình doanh nghiệp dựa trên tư duy “cổ đông là chủ sở hữu tối cao”, thể hiện rõ tại quy định về quyền lực tập trung của Đại hội đồng cổ đông [8], quyền tiếp cận thông tin, biểu quyết, chia lợi nhuận của cổ đông. Trong khi đó, các nhóm các bên liên quan như người lao động, nhà cung cấp, khách hàng, cộng đồng và môi trường, dù có vai trò thiết yếu trong vận hành doanh nghiệp lại không được quy định là chủ thể có quyền tham gia vào cơ chế quản trị hay giám sát nội bộ. Tư cách pháp lý của các bên liên quan phi cổ đông trong mô hình doanh nghiệp chưa được xác lập rõ ràng, và phần lớn chỉ hiện diện gián tiếp thông qua các đạo luật chuyên ngành chứ không phải là một cấu phần nội tại trong luật doanh nghiệp.

2.3.2. Thiếu vắng cơ chế thể chế hóa vai trò của các bên liên quan. Hiện nay, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam chưa thiết lập các cơ chế đối thoại định kỳ, đại diện thể chế, hay quyền yêu cầu thông tin và giám sát từ các bên liên quan phi cổ đông. Điều này khiến vai trò của các bên liên quan thường mang tính thụ động, phụ thuộc hoàn toàn vào thiện chí của ban lãnh đạo doanh nghiệp. Không giống như mô hình “đồng quản lý” (Mitbestimmung) tại Đức, nơi người lao động được tham gia Hội đồng Giám sát với tỷ lệ 50% tại các công ty lớn theo Luật Đồng quyết 1976. Hay theo Đạo luật Công ty tại Anh với mô hình ESV nơi luật yêu cầu giám đốc phải cân nhắc đến lợi ích của nhiều nhóm các bên liên quan khi ra quyết định ở Việt Nam hiện chưa có một thiết chế tương đương để lồng ghép quyền lợi của các bên liên quan vào cơ cấu quản trị doanh nghiệp [9].

2.3.3. Thiếu yêu cầu minh bạch và công bố thông tin phi tài chính. Tại Việt Nam, chưa có quy định bắt buộc doanh nghiệp phải công bố thông tin về các chỉ số ESG, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, hay tác động phi tài chính của hoạt động kinh doanh. Điều này trái ngược với xu thế quốc tế, nơi mà các chuẩn mực báo cáo bền vững đã được luật hóa và trở thành bắt buộc đối với các doanh nghiệp quy mô lớn. Việc thiếu vắng nghĩa vụ báo cáo phi tài chính khiến các bên liên quan không có đủ cơ sở để đánh giá mức độ ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với mình, từ đó làm suy yếu trách nhiệm giải trình và mối quan hệ niềm tin giữa doanh nghiệp và xã hội.

2.3.4. Chưa có quy định về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp. Khác với nhiều quốc gia đã chính thức ghi nhận trách nhiệm xã hội doanh nghiệp như một nguyên tắc quản trị công ty, Luật Doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa có quy định nào về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Mặc dù một số điều luật trong Luật Bảo vệ Môi trường hoặc Bộ luật Lao động có đề cập đến các nghĩa vụ xã hội cụ thể, nhưng thiếu sự kết nối mang tính hệ thống và chưa tạo thành một chuẩn mực điều chỉnh hành vi quản trị doanh nghiệp theo hướng bền vững. Điều này dẫn đến hiện tượng nhiều doanh nghiệp chỉ thực hiện trách nhiệm xã hội mang tính hình thức, phục vụ mục đích quảng cáo thay vì là một phần gắn kết hữu cơ trong chiến lược phát triển dài hạn.

2.3.5. Thiếu cơ chế pháp lý bảo vệ quyền lợi các bên liên quan trong tranh chấp. Một vấn đề khác cần lưu ý là hiện chưa có thiết chế hay cơ chế tổ tụng hiệu quả để các bên liên quan phi cổ đông có thể bảo vệ lợi ích hợp pháp khi quyền lợi bị xâm hại bởi quyết định quản trị nội bộ. Việc khởi kiện của người lao động, nhà cung cấp hoặc cộng đồng địa phương thường chỉ dựa trên các quy định chung trong luật dân sự, luật hợp đồng, hoặc luật môi trường và không có cơ chế nội bộ trong doanh nghiệp để hòa giải, phản biện hay tham vấn. Trong khi đó, tại các nước như Nhật Bản và một số quốc gia châu Âu, các bên liên quan có thể tham gia vào quy trình thẩm định tác động xã hội, có đại diện trong hội đồng đạo đức doanh nghiệp hoặc được quyền phản đối các quyết định có ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của họ.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho việt nam

Việc nội luật hóa học thuyết các bên liên quan trong pháp luật doanh nghiệp là xu thế tất yếu nhằm hiện thực hóa mô hình quản trị doanh nghiệp bền vững, có trách nhiệm và hài hòa lợi ích xã hội. Từ thực tiễn quốc tế và thực trạng pháp luật hiện hành tại Việt Nam, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng như sau:

3.1. Cần xác lập rõ các bên liên quan là chủ thể pháp lý trong quản trị doanh nghiệp. Qua thực tiễn tại Đức cũng như Vương quốc Anh, có thể thấy: các bên liên quan không chỉ là khái niệm xã hội học mà cần được thiết chế hóa thành chủ thể pháp lý trong cấu trúc quản trị doanh nghiệp. Do đó, Việt Nam cần tiến tới việc xác lập các bên liên quan là một nhóm chủ thể đặc thù trong Luật Doanh nghiệp, không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ quyền lợi qua các luật chuyên ngành, mà cần ghi nhận tư cách “người có lợi ích liên quan” trong nội bộ doanh nghiệp, tương tự như cổ đông.

3.2. Cần phát triển cơ chế thể chế hóa vai trò stakeholder trong quản trị doanh nghiệp. Thấy rằng việc các bên liên quan tham gia vào quá trình giám sát chiến lược, thông qua Hội đồng giám sát (ở Đức) hay đại diện ngân hàng/nhà cung ứng (ở Nhật), là bước then chốt để bảo đảm lợi ích dài hạn và giảm thiểu rủi ro đạo đức trong doanh nghiệp. Việt Nam có thể cân nhắc thiết lập Ban đại diện các bên liên

quan, Ủy ban đạo đức doanh nghiệp hoặc yêu cầu bổ sung thành viên độc lập đại diện các bên liên quan trong hội đồng quản trị, ít nhất là ở các công ty đại chúng, công ty có vốn Nhà nước hoặc công ty hoạt động trong lĩnh vực có rủi ro xã hội cao. Ngoài ra, cần ban hành các chuẩn mực báo cáo ESG và báo cáo bền vững như một phần bắt buộc trong quản trị doanh nghiệp, thay vì để doanh nghiệp tự nguyện như hiện nay.

3.3. Khuyến khích phát triển mô hình “giá trị cổ đông khai sáng” trong giai đoạn chuyển tiếp. Đối với Việt Nam, nơi cấu trúc pháp lý vẫn đặt nặng học thuyết cổ đông, nên việc chuyển đổi sang mô hình các bên liên quan toàn diện cần có lộ trình và cơ chế dung hòa. Mô hình “giá trị cổ đông khai sáng” của Anh có thể là gợi ý phù hợp. Theo đó, doanh nghiệp vẫn có thể đặt lợi ích cổ đông làm trung tâm, nhưng đồng thời phải cân nhắc đến các yếu tố dài hạn, tác động xã hội, và lợi ích các bên liên quan như điều kiện tiên quyết để đạt được sự thịnh vượng bền vững. Việc tích hợp giá trị cổ đông khai sáng vào pháp luật Việt Nam có thể bắt đầu từ việc sửa đổi quy định về nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị trong Luật Doanh nghiệp theo hướng yêu cầu họ “có nghĩa vụ cân nhắc lợi ích của các bên liên quan trong quyết định chiến lược”.

3.4. Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ quyền lợi các bên liên quan trong thực tiễn tố tụng. Không chỉ dừng lại ở nhận diện các bên liên quan, cần xây dựng cơ chế khiếu nại nội bộ, quyền phản biện chiến lược, hoặc cho phép các bên liên quan như người lao động, nhà cung ứng, cộng đồng địa phương có quyền khởi kiện trong các vụ việc liên quan đến sai phạm đạo đức, môi trường, quyền con người... như một phần của hệ thống quản trị có trách nhiệm. Việc thiết lập cơ chế pháp lý “mềm” này không những tăng tính công bằng mà còn là biện pháp giảm thiểu rủi ro tranh chấp tập thể trong dài hạn.

4. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và yêu cầu phát triển bền vững, việc nội luật hóa học thuyết các bên liên quan vào pháp luật doanh nghiệp là xu hướng tất yếu nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm xã hội. Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều quốc gia đã và đang thiết lập các cơ chế pháp lý cụ thể để bảo vệ, thúc đẩy vai trò của các bên liên quan trong quản trị doanh nghiệp. Trong khi đó, pháp luật doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu tiếp cận theo học thuyết cổ đông, chưa thiết lập đầy đủ khung thể chế để ghi nhận quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan. Vì vậy, cần thiết có những cải cách mang tính hệ thống, cả về lập pháp lẫn thực thi, nhằm định hình mô hình doanh nghiệp hiện đại, nơi các bên liên quan được công nhận là chủ thể đồng hành cùng doanh nghiệp vì sự phát triển lâu dài, trách nhiệm và bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1] Zelalem Fekadu (2016), *Shareholder or Stakeholder Model of Corporate Governance: Which One Should Ethiopia Choose?* [Mô hình quản trị công ty theo cổ đông hay theo các bên liên quan: Ethiopia nên lựa chọn mô hình nào?], Luận văn Thạc sĩ công bố tại Addis Ababa University – School of Law.
- [2] Freeman, R. E., & McVea, J. (2001), *A stakeholder approach to strategic management* [Một cách tiếp cận của các bên liên quan đối với quản lý chiến lược], Tạp chí SSRN Electronic Journal.
- [3] James Edward Wright (2023), *Stakeholder Theory and Law Enforcement Strategy Creation* [Học thuyết các bên liên quan và việc xây dựng chiến lược thực thi pháp luật], Luận án Tiến sĩ công bố tại Walden University.
- [4] Maeve O'connell và Anne-Marie Ward (2020), *Shareholder Theory/ Shareholder Value* [Học thuyết cổ đông/Giá trị cổ đông], Nhà xuất bản Springer Nature.
- [5] Klaus J.Mülle (2009), *The GmbH – A guide to the German Limited Liability Company (2nd edition)* [GmbH – Hướng dẫn về Công ty trách nhiệm hữu hạn của Đức (ấn bản lần 2)], Verlag C.H.Beck München, page 32.
- [6] Islam, M. R. và cộng sự. (2013), *The development of Corporate Social Responsibility (CSR) and challenges of Environmental and Social Reporting in Bangladesh* [Sự phát triển của Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và những thách thức của Báo cáo môi trường và xã hội tại Bangladesh], Tạp chí European Journal of Business and Management, 5(23), page. 170 - 182.
- [7] KPMG (2017), *Carrots & sticks: global trends in sustainability reporting regulation and policy* [Carrots & sticks: xu hướng toàn cầu trong quy định và chính sách báo cáo tính bền vững]. GRI, United Nations Environment Programme, & Centre for Corporate Governance in Africa.
- [8] Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- [9] Điều 172, Companies Act 2006 (Đạo luật Công ty Vương Quốc Anh)